

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt:

Yêu cầu nhân sự chủ chốt: Không.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương V. Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;
- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa.
- Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường;
- Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;
- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có);
- Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng;
- Tiến độ cung cấp hàng hóa;
- Yếu tố thân thiện môi trường;
- Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);
- Các yếu tố cần thiết khác.

3.1. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSMT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
1. Chung loại, đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ		
1.1 Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn sản xuất và công nghệ: - Nhà thầu phải kê khai đầy đủ thông tin về thông số kỹ thuật, thành phần, chủng loại (nếu có) của hàng hóa do nhà thầu đề xuất. - Hàng hóa do nhà thầu đề xuất phải đáp ứng các thông số kỹ thuật được thể hiện tại Chương V của E-HSMT.	Có đặc tính, thông số kỹ thuật theo đúng số lượng quy định của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất và công nghệ hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. Nhà thầu phải đính kèm tài liệu thể hiện đặc tính, thông số kỹ thuật (Catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất/nhà phân phối, đại lý ủy quyền của hãng) bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh)	Đạt
	Nhà thầu kê khai không đầy đủ thông tin của hàng hóa theo yêu cầu. Hoặc có bất kỳ chủng loại hàng hóa có thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu được thể hiện trong Chương V.	Không đạt
1.2. Tính hợp lệ của hàng hóa chào thầu: Nhà thầu phải có văn bản cam kết của nhà thầu được người đại diện pháp luật của Nhà thầu hoặc người đại diện liên danh hoặc người đại diện theo ủy quyền ký (Trường hợp người đại diện theo ủy quyền ký phải đính kèm văn bản ủy quyền), bao gồm đầy đủ các nội dung dưới đây: - Cam kết cung cấp đúng yêu cầu về chủng loại, số lượng, đáp ứng tối	Nhà thầu có văn bản cam kết nêu đầy đủ các nội dung theo yêu cầu E-HSMT.	Đạt
	Nhà thầu không có đầy đủ các cam kết hoặc không đáp ứng một trong các nội dung theo yêu cầu E-HSMT.	Không đạt

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
<p>thiếu yêu cầu về kỹ thuật được quy định tại E-HSMT;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cam kết khi thực hiện bàn giao hàng hóa phải cung cấp Giấy chứng nhận/ xuất xưởng và làm thủ tục bảo hành theo đúng quy định đối với hàng hóa sản xuất trong nước; - Cam kết khi thực hiện bàn giao hàng hóa phải cung cấp các giấy tờ chứng minh xác nhận hợp pháp về xuất xứ của hàng hóa, các phụ kiện đi kèm (nếu có) (C/O, C/Q, packing list...), và làm thủ tục bảo hành theo đúng quy định đối với hàng hóa nhập khẩu. 		
2. Tiến độ cung cấp hàng hóa		
2.1. Tiến độ cung cấp hàng hóa:	Tiến độ giao hàng ≤ 60 ngày đã bao gồm ngày nghỉ, ngày lễ.	Đạt
Tiến độ cung cấp hàng hóa ≤ 60 ngày, đã bao gồm ngày nghỉ, ngày lễ.	Tiến độ giao hàng > 60 ngày.	Không đạt
2.2. Biểu đồ tiến độ	Nhà thầu có biểu đồ tiến độ cung cấp, sản xuất hàng hóa hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Đạt
<p>Bảng tiến độ cung cấp, sản xuất hàng hóa: phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. Bảng tiến độ lập theo sơ đồ ngang, trong đó thể hiện rõ các mốc thời gian cho các giai đoạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian cung ứng hoặc sản xuất thiết bị và tập kết đến đơn vị sử dụng. - Thời gian lắp đặt hàng hóa - Thời gian nghiệm thu, bàn giao. - Thời gian tập huấn, chuyển giao công nghệ và đưa vào sử dụng 	Nhà thầu không có biểu đồ tiến độ cung cấp hàng hóa hoặc Nhà thầu có biểu đồ tiến độ cung cấp, sản xuất hàng hóa nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật của nhà thầu, không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Không đạt
2.3 Phương án vận chuyển giao nhận hàng hóa	Có nêu rõ ràng chi tiết, hợp lý phương án vận chuyển, phương tiện vận chuyển, kho bãi lưu trữ, trung chuyển (nếu có), vận chuyển đến đơn vị sử dụng đảm bảo an toàn hàng hóa khi vận chuyển giao nhận	Đạt
	Không trình bày hoặc trình bày không hợp lý	Không đạt
3. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa.		
3.1 Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện	- Có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp lắp đặt hàng hóa,	Đạt

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
pháp tổ chức cung cấp lắp đặt hàng hóa, đào tạo hướng dẫn sử dụng	trình bày chi tiết biện pháp phương án thi công, lắp đặt các thiết bị, đào tạo hướng dẫn sử dụng hợp lý và hiệu quả kinh tế, có thuyết minh chi tiết, hợp lý và nêu thời gian thực hiện cụ thể. - Biện pháp bảo quản để đảm bảo về chất lượng của thiết bị trong quá trình vận chuyển, lắp đặt.	
	Không có đầy đủ các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa hoặc có nhưng không hợp lý.	Không đạt
3.2 Biện pháp đảm bảo chất lượng trong quá trình thi công lắp đặt thiết bị	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp thi công	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp thi công	Không đạt
3.3 Biện pháp bảo đảm an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy trong quá trình thi công lắp đặt.	Có biện pháp bảo đảm an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy trong quá trình thi công lắp đặt.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp bảo đảm an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp thi công	Không đạt
3.4 Khả năng thích ứng về địa lý	Nhà thầu có văn bản cam kết Hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý với điều kiện khí hậu Việt Nam	Đạt
	Hàng hóa được cung cấp không thích ứng về địa lý với điều kiện khí hậu Việt Nam	Không đạt
4. Bảo hành		
4.1. Thời gian bảo hành - Nhà thầu phải có văn bản cam kết của nhà thầu được người đại diện pháp luật của Nhà thầu hoặc người đại diện liên danh hoặc người đại diện theo ủy quyền ký (Trường hợp người đại diện theo ủy quyền ký phải	Nhà thầu có văn bản cam kết: + Thời gian bảo hành toàn bộ hàng hóa theo tiêu chuẩn nhà sản xuất, tối thiểu 12 tháng. + Nhà thầu sẵn có các hàng hoá thay thế cho các hàng hóa nhà thầu cung cấp trong trường hợp bị lỗi. Thời gian	Đạt

Nội dung đánh giá	Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
<p>đính kèm văn bản ủy quyền), bao gồm đầy đủ các nội dung dưới đây: + Nhà thầu phải có trách nhiệm bảo hành hàng hóa cho gói thầu theo quy định. + Yêu cầu về hàng hoá thay thế: nhà thầu phải sẵn có các hàng hoá thay thế cho các hàng hóa nhà thầu cung cấp trong trường hợp bị lỗi. Thời gian tối đa để nhà thầu cung cấp các mẫu thay thế cho các hàng hóa và trong trường hợp cần thay thế: trong khoảng thời gian 24 giờ tính từ ngày nhận được thông báo, nhà thầu phải cung cấp hàng hoá thay thế.</p>	<p>tối đa để nhà thầu cung cấp các mẫu thay thế cho các hàng hóa và trong trường hợp cần thay thế: trong khoảng thời gian 24 giờ tính từ ngày nhận được thông báo, nhà thầu sẽ cung cấp hàng hoá thay thế.</p>
<p>4.2. Phương án bảo hành</p>	<p>Nhà thầu không có văn bản cam kết hoặc: Nhà thầu có Văn bản cam kết thời gian bảo hành nhưng không đầy đủ hoặc không đáp ứng theo yêu cầu E-HSMT.</p> <p style="text-align: right;">Không đạt</p>
<p>4.2. Phương án bảo hành</p>	<p>Nhà thầu có phương án bảo hành, thời gian thực hiện bảo hành khi có sự cố (cam kết hoặc thuyết minh khả năng cử cán bộ kỹ thuật có mặt để khắc phục sự cố) trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông tin yêu cầu bảo hành của Chủ đầu tư.</p> <p>Nhà thầu không có phương án bảo hành, thời gian thực hiện bảo hành khi có sự cố hoặc: Nhà thầu có phương án bảo hành, thời gian thực hiện bảo hành khi có sự cố nhưng cử cán bộ kỹ thuật có mặt để khắc phục sự cố trong thời gian > 24 giờ kể từ khi nhận được thông tin yêu cầu bảo hành để khắc phục sự cố của Chủ đầu tư.</p> <p style="text-align: right;">Đạt</p>
<p>4.3 Thu hồi hàng hóa (Nhà thầu cung cấp bản cam kết về thu hồi sản phẩm)</p>	<p>Cam kết thu hồi hàng hóa trong trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Chủ đầu tư. Cam kết cung cấp lại toàn bộ các sản phẩm để thay thế các sản phẩm bị thu hồi đáp ứng yêu cầu chất lượng.</p> <p style="text-align: right;">Đạt</p>
	<p>Không cam kết thu hồi hàng hóa trong trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà</p> <p style="text-align: right;">Không đạt</p>

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
	nguyên nhân không do lỗi của Chủ đầu tư hoặc không cam kết cung cấp lại toàn bộ các sản phẩm để thay thế các sản phẩm bị thu hồi đáp ứng yêu cầu chất lượng.	
5. Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP		
5.1 Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP Trường hợp Chủ đầu tư phát hiện từ ngày 01/01/2022 trở lại đây: Nhà thầu vi phạm về đấu thầu theo quy định của pháp luật thì được đánh giá là không đạt ở mục này.	Nhà thầu có bản cam kết đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.	Đạt
	Không đáp ứng nội dung trên	Không đạt
6. Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian thực hiện, đào tạo, chuyển giao công nghệ, thanh toán		
6.1 Điều kiện thanh toán, vi phạm hợp đồng	- Có cam kết đáp ứng điều kiện thanh toán theo E-ĐKC 13.1, 14.2 - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng. - Có cam kết Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với: 1%/ngày cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 8% giá trị hợp đồng, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng, đồng thời nhà thầu sẽ bị đánh giá “Không đạt” trong nội dung uy tín của Nhà thầu khi tham gia đấu thầu các gói thầu tiếp theo do Văn phòng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh làm Chủ đầu tư.	Đạt
	Nhà thầu không có cam kết đáp ứng đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo E-HSMT	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết 1, 2, 3, 4, 5, 6	Đạt

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
	được xác định là Đạt.	
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

- Trường hợp Mục 13.5 E-BDL quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) Chương IV:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

- Trường hợp Mục 13.5 E-BDL quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C) Chương IV:

Bước 1. Xác định giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT: Không có.

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập: Không có.

Phần 1 Tổng quan	Giới thiệu về tài liệu
Phần 2 Chi tiết	Nội dung chi tiết

Mục 1.1. Tổng quan về tài liệu

Mục 1.2. Chi tiết về tài liệu

Mục 1.3. Kết luận

Mục 1.4. Phụ lục

Mục 1.5. Tài liệu tham khảo

Mục 1.6. Bảng

Mục 1.7. Hình ảnh

Mục 1.8. Bảng chú thích

Mục 1.9. Bảng tóm tắt

Mục 1.10. Bảng so sánh

Mục 1.11. Bảng phân loại

Mục 1.12. Bảng thống kê

Mục 1.13. Bảng diễn biến

Mục 1.14. Bảng quy trình

Mục 1.15. Bảng mô tả

Mục 1.16. Bảng phân tích

Mục 1.17. Bảng đánh giá

Mục 1.18. Bảng dự báo

Mục 1.19. Bảng kế hoạch

Mục 1.20. Bảng báo cáo

Mục 1.21. Bảng kết quả

Mục 1.22. Bảng nhận xét

Mục 1.23. Bảng đề xuất

Mục 1.24. Bảng khuyến nghị

Mục 1.25. Bảng tóm tắt nội dung

Mục 1.26. Bảng tóm tắt kết quả

Mục 1.27. Bảng tóm tắt nhận xét

Mục 1.28. Bảng tóm tắt đề xuất

Mục 1.29. Bảng tóm tắt khuyến nghị

Mục 1.30. Bảng tóm tắt nội dung và kết quả

Mục 1.31. Bảng tóm tắt nội dung, nhận xét và đề xuất

Mục 1.32. Bảng tóm tắt nội dung, nhận xét, đề xuất và khuyến nghị

Mục 1.33. Bảng tóm tắt nội dung, nhận xét, đề xuất, khuyến nghị và kết quả

Mục 1.34. Bảng tóm tắt nội dung, nhận xét, đề xuất, khuyến nghị, kết quả và đánh giá

Mục 1.35. Bảng tóm tắt nội dung, nhận xét, đề xuất, khuyến nghị, kết quả, đánh giá và đề xuất

Mục 1.36. Bảng tóm tắt nội dung, nhận xét, đề xuất, khuyến nghị, kết quả, đánh giá, đề xuất và khuyến nghị

Mục 1.37. Bảng tóm tắt nội dung, nhận xét, đề xuất, khuyến nghị, kết quả, đánh giá, đề xuất, khuyến nghị và kết quả

Mục 1.38. Bảng tóm tắt nội dung, nhận xét, đề xuất, khuyến nghị, kết quả, đánh giá, đề xuất, khuyến nghị, kết quả và đánh giá

Mục 1.39. Bảng tóm tắt nội dung, nhận xét, đề xuất, khuyến nghị, kết quả, đánh giá, đề xuất, khuyến nghị, kết quả, đánh giá và đề xuất

Mục 1.40. Bảng tóm tắt nội dung, nhận xét, đề xuất, khuyến nghị, kết quả, đánh giá, đề xuất, khuyến nghị, kết quả, đánh giá, đề xuất, khuyến nghị, kết quả và đánh giá